

VỀ TRỢ VỊ TỪ TÌNH THÁI *SHALL* TRONG DIỄN NGÔN HIẾN PHÁP HỢP CHỮNG QUỐC HOA KÌ

Dương Thị Hiền *

1. Hiến pháp Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (HPHK) - bản Hiến pháp lâu đời nhất của nhân loại hiện vẫn đang có hiệu lực pháp luật là văn bản đã được xem xét từ nhiều góc độ luật học, triết học, chính trị học...Nghiên cứu dưới đây giới thiệu một cách phân tích văn bản này từ góc độ ngôn ngữ học. Một trong những chức năng cơ bản của văn bản HPHK là quy định quyền và nghĩa vụ cho các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản. Nói một cách khác, văn bản luật thể hiện những gì các đối tượng phải làm, không được làm, hay có thể làm/không làm. Chính vì vậy trong văn bản Hiến pháp có các quy phạm là quy phạm cấm đoán, quy phạm bắt buộc và quy phạm tùy nghi. Chức năng này được hiện thực hóa trên văn bản bằng các trợ vị từ tình thái như “*shall*”, “*must*”, “*may*”...*Must* và *shall* thường được sử dụng trong các câu thể hiện sự cấm đoán, bắt buộc hoặc xác định thiết chế, *may* thường được sử dụng để diễn đạt nét nghĩa tùy nghi, cho phép (permission), hoặc khả năng (possibility). Tuy nhiên trong diễn ngôn Hiến pháp Hoa Kỳ, nhà lập pháp đã không một lần sử dụng trợ vị từ *must*, thay vào đó trợ vị từ *shall* được khai thác triệt để và xuất hiện hầu như trong tất cả các cú; bên cạnh đó *may* cũng được dùng trong một số trường hợp nhất định. Bài viết này sẽ tập trung khảo sát cách sử dụng trợ vị từ tình thái *shall* trong diễn ngôn Hiến pháp Hoa Kỳ và đề cập một số vấn đề liên quan tới việc dịch thuật các quy phạm có chứa trợ vị từ này sang tiếng Việt.

2. *Shall* trong diễn ngôn HPHK. Các nhà ngôn ngữ học đều nhất trí rằng “*Shall*” là từ được sử dụng phổ biến nhất trong các văn bản luật và thường gây ra những điều mơ hồ, khó hiểu trong việc tìm hiểu và dịch thuật văn bản luật. Mục đích chức năng của từ này không phải lúc nào cũng rõ ràng. Đôi khi khó xác định liệu “*shall*” trong một văn cảnh cụ thể được dùng với nghĩa “*must*” (áp đặt nghĩa vụ) hay chỉ dùng với nghĩa thông thường. Tiêu chí mà Trosborg và Thornton đã nêu: “*shall*” được dùng để diễn đạt ý nghĩa định hướng, chỉ đạo người ta làm hay không làm gì” (áp đặt nghĩa vụ hoặc cấm đoán) hay “nêu rõ nội dung quy phạm pháp luật (trong trường hợp cụ thể) (mô tả quy phạm luật) sẽ được ứng dụng để phân tích việc sử dụng *shall* trong văn bản Hiến pháp Hoa Kỳ. Trong diễn ngôn HPHK, trợ vị từ tình

* ThS. – Trường ĐH Luật Hà Nội

thái “*shall*” được sử dụng, khai thác từ nhiều giác độ ngữ nghĩa khác nhau. Toàn văn HPHK có 306 trường hợp dùng *shall* và có thể chia theo 3 nhóm chức năng như sau:

2.1. Các cú mà trong đó “*shall*” diễn đạt ý nghĩa nghĩa vụ (phải)

Trường hợp này “*shall*” mang những nét nghĩa/yếu tố nghĩa của từ “*must*”.

Ví dụ: Điều 2, iii: *...he shall take Care that the Laws be faithfully executed, and shall Commission all the Officers of the United States. (...Tổng thống phải quan tâm đến việc pháp luật được thực thi một cách đúng đắn và phải giao phó nhiệm vụ cho tất cả các Viên chức của Hoa Kỳ).*

Ví dụ: Điều VI, iii. *The Senators and Representatives..., shall be bound by Oath or Affirmation, to support this Constitution; (Các thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ, ...đều phải tuyên thệ hoặc khẳng định bảo vệ Hiến pháp này).*

Thuộc nhóm này, trong một số trường hợp trợ vị từ tình thái “*shall*” dường như thể hiện nét nghĩa nghĩa vụ, nhưng đó là tính nghĩa vụ, tính bắt buộc theo nghĩa mệnh lệnh cho tất cả mà không quy định nghĩa vụ cho một con người cụ thể. Vì vậy, “*shall*” trong những quy phạm này không có nghĩa là “bắt buộc” (*must*) một cách rõ ràng. Sự khác biệt này sẽ được thể hiện rõ nếu so sánh hai quy phạm dưới đây.

a) (Điều II, K 3.) *he (the President) shall take care that the Law be faithfully executed, (and shall commission all the officers of the United States)* (Tổng thống phải đôn đốc việc thi hành pháp luật một cách đúng đắn...)

và:

b) (Điều I, K 4, ii)“*...The Congress shall assemble at least once in every Year, and such Meeting shall be on the first Monday in December, unless they shall by Law appoint a different Day.* (Quốc Hội sẽ họp ít nhất mỗi năm một lần và phiên họp đó được tổ chức vào ngày thứ Hai đầu tiên của Tháng Mười hai trừ trường hợp Luật có quy định ngày khác.)...

Quy phạm trong a) quy định Tổng thống có nghĩa vụ phải đôn đốc việc thi hành luật một cách đúng đắn. Còn Quy phạm trong b) là một quy định về thời gian tổ chức họp của Quốc hội, Quốc hội có nghĩa vụ tổ chức họp vào thời điểm đó. Và như vậy, vị từ tình thái “*shall*” trong ví dụ a) được dùng để áp đặt một nghĩa vụ cho một con người, một cá thể cụ thể, nó mang nét nghĩa bắt buộc của *must* một cách rõ ràng; còn trong b) “*shall*” được sử dụng cho mục đích tuyên bố, trình bày một quy phạm quy định nghĩa vụ của một thiết chế.

Trong số 306 lượt dùng của “shall”, có 33 trường hợp “shall” được dùng với ý nghĩa phân chia ở trường hợp 2.1.), trong đó “shall” được dùng với nghĩa “must” áp đặt nghĩa vụ hoặc đòi hỏi/yêu cầu của luật pháp đối với một đối tượng cụ thể (specific person/entity). Các trường hợp còn lại (272 trường hợp) thuộc vào phạm trù thứ hai. Những trường hợp trong nhóm thứ hai mang bản chất tuyên bố; có chức năng phát biểu/trình bày, giới thiệu luật hoặc trao quyền lực.

2.2. Cú chứa “shall” mang chức năng/bản chất phi nghĩa vụ (non-obligatory nature) Có 272 trường hợp trong diễn ngôn HPHK thuộc phạm trù này; nghĩa là quy phạm không mang một nét nghĩa nào của vị từ tình thái “must” (bắt buộc nghĩa vụ) mà hoàn toàn mang bản chất chức năng tuyên bố, mô tả thiết chế, giới thiệu luật.

Ví dụ:

+ (Điều II, K1 - Điểm ii). “*Each state shall appoint.., a Number of Electors, equal to the whole Number of Senators and Representatives to which the State may be entitled in the Congress*” (“Mỗi bang sẽ cử ra.., một số đại cử tri bằng tổng số thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ mà bang sẽ bầu ra trong Quốc hội)

+ Điều II, K2, - Điểm i *The President shall be Commander in Chief of the Army and Navy of the United States, and of the Militia of the several States, when called into the actual Service of the United States ...*(Tổng thống là Tổng tư lệnh các lực lượng lục quân, hải quân Hoa K× và lực lượng dự bị ở các Bang khi được huy động để thực hiện các công việc đang diễn ra của Hoa K×; ...).

Trong 272 trường hợp này có thể chia ra 4 kiểu phạm trù như sau dựa trên những mục tiêu chức năng cụ thể mà chúng đảm nhiệm:

a. Tiểu phạm trù (A): Các cú tuyên bố trao quyền/ quy định quyền lực:

Có 145 cú thuộc tiểu phạm trù này. Các cú này diễn đạt việc trao quyền hoặc quy định quyền lực cho chủ thể pháp luật. Ví dụ:

+ Điều I, K. 8, điểm i. “*The Congress shall have Power to lay and collect taxes, Duties, Imports and Exicses, to pay the Debts and provide for the common Defence and general Welfare of the United states...*” (“Quốc hội có quyền đặt ra và thu các khoản thuế, thuế quan, thuế môn bài để trả các khoản nợ, chi phí cho quốc phòng và phúc lợi công cộng của Hoa Kỳ”.)

+ Điều I, K. 1. “*All legislative Powers herein granted shall be vested in a Congress of the United States, which shall consist of a Senate and House of Representatives*” (Tất cả quyền lực lập pháp được quy định trong Hiến pháp này thuộc về Quốc hội gồm Thượng viện và Viện đại biểu.).

b. Tiêu phạm trừ B: Các tuyên bố giới thiệu quy định của pháp luật, mô tả luật. Thuộc tiêu phạm trừ này có 98 cú. Đó là cú có nội dung trình bày/giới thiệu địa vị pháp lí của một thiết chế cụ thể hoặc một vấn đề mà các cú liên quan tới/đề cập tới. Những cú thuộc tiêu phạm trừ này chủ yếu bao hàm hai dạng cấu trúc cú pháp của các cụm vị từ như sau:

b1: “*shall*” được dùng với vị từ: *be composed, be construed, be inoperative, assemble, have...* Ví dụ:

+ Điều I, K2, i. “*The House of Representatives shall be composed of Members chosen every second Year ...*” (Hạ viện sẽ bao gồm các Thành viên được dân ở một số Bang bầu ra hai năm một lần).

+ TCA XVII. *This amendment shall not be so construed as to affect the election or term of any Senator chosen before it becomes valid as part of the Constitution.* (Tu chính án này không được giải thích để ảnh hưởng đến việc bầu cử và nhiệm kỳ của các Thượng nghị sĩ được lựa chọn trước khi Tu Chính án này có hiệu lực như một phần của Hiến pháp.)

b2: “*shall*” với các cụm tính ngữ hoặc danh ngữ đi liền kề phía sau và phía trước là một ngữ danh từ (danh ngữ) vô nhân xưng (impersonal noun phrase). Ví dụ:

+ Điều I, 8, i. *All Duties, Imposts and Excise, shall be uniform throughout the United States.* (Mọi khoản thuế quan và thuế môn bài đều phải thống nhất trên toàn lãnh thổ Hợp chúng quốc).

+ Điều VI, 1, i. *All Debts contracted and Engagements entered into, before the Adoption of this Constitution, shall be as valid against the United States under this Constitution, as under the Confederation.* (Tất cả các khoản nợ đã vay và các cam kết được đưa ra trước khi thông qua Hiến pháp này sẽ vẫn có hiệu lực đối với Hoa Kỳ căn cứ vào Hiến pháp này cũng giống như đối với Liên minh).

c. Tiêu phạm trừ C: Các tuyên bố xác định, chỉ rõ điều kiện để quy phạm luật có hiệu lực. Văn bản HPHK có 3 cú thuộc tiêu phạm trừ này, trong đó *shall* được sử

dùng cùng với vị từ *become* và đi cùng với mệnh đề chỉ điều kiện hay chỉ ra những yêu cầu, điều kiện để quy phạm luật có hiệu lực. Ví dụ:

+ Điều 1, 7, ii...*If after such Reconsideration two thirds of that House shall agree to pass the Bill, it shall be sent, together with the Objections, to the other House, by which it shall likewise be reconsidered, and if approved by two thirds of that House, it shall become a Law.* (Nếu sau khi xem xét lại, dự luật vẫn được hai phần ba số thành viên của Viện thông qua thì dự luật sẽ được gửi cho Viện còn lại kèm theo ý kiến Phản đối để xem xét lại và nếu được chấp thuận bởi hai phần ba số thành viên của Viện này thì dự luật sẽ trở thành luật.)

+ TCA.XXV, 1. “*In case of the removal of the President from office or of his death or resignation, the Vice President shall become President.*” (Trong trường hợp Tổng thống bị phế truất, qua đời hoặc từ chức, Phó Tổng thống sẽ trở thành Tổng thống).

d. Tiêu phạm trừ d: Cú tuyên bố chỉ ra phạm vi áp dụng của quy phạm luật.

Có 10 cú thuộc tiêu phạm trừ này “*Shall*” trong những cú này được dùng cùng với vị từ *apply, operate, affect* ...và những vị từ tương tự nhằm thực hiện chức năng xác định phạm vi áp dụng của chủ ngữ (phần đề) trong cú, ví dụ:

+ TCA. XXII. ...*But this Article shall not apply to any person holding the office of President when this Article was proposed by the Congress,....* (... Nhưng Điều này không được áp dụng đối với bất cứ người nào đang đảm nhiệm cương vị Tổng thống khi Quốc Hội đề xuất Điều này, ...)

+ Điều V:...*Provided that no Amendment which may be made prior to the Year One thousand eight hundred and eight shall in any Manner affect the first and fourth Clauses in the Ninth Section of the first Article;.* (... Với điều kiện là không một Tu chính nào có thể được thực hiện trước năm 1808 theo một cách thức có thể ảnh hưởng đến điểm i và điểm iv trong khoản 9 của Điều I;.)

2.3. Cú trong đó *shall* thực chất mang chức năng tuyên bố

Đây là những cú trong đó nghĩa của vị từ tình thái *shall* không rõ ngay khi đọc lần đầu nhưng về thực chất vị từ này lại thể hiện chức năng tuyên bố. Trong HPHK chỉ có một trường hợp thuộc phạm trù này. Điều này được lí giải bởi yêu cầu về tính chính xác, rõ ràng của văn bản Hiến pháp. Chỉ trong trường hợp hãn hữu, nhà lập

hiển mới phải sử dụng tới nét nghĩa này của vị từ tình thái *shall*. Đó là quy phạm trong Điều V.

+ Điều V. “*The Congress, whenever two thirds of both Houses shall deem it necessary, shall propose Amendments to this Constitution, or, on the Application of the Legislatures of two thirds of the several States, shall call a Convention for proposing Amendments ...*; (Khi hai phần ba thành viên của cả hai Viện đều xét thấy cần thiết, hoặc theo yêu cầu của các cơ quan lập pháp ở hai phần ba Bang, Quốc hội sẽ triệu tập Hội nghị để đề xuất các Tu chính Hiến pháp ...)

Phần thống kê, phân tích trên cho thấy trái ngược với nhận thức thông thường, trong một văn bản quy định quyền và nghĩa vụ cho công dân và các thiết chế, để quy định các nghĩa vụ, trách nhiệm, các nhà lập hiến Hoa Kỳ đã không sử dụng trợ vị từ *must*, một trợ vị từ mà dường như đương nhiên đã thể hiện nghĩa bắt buộc, nghĩa vụ hoặc cấm đoán (*must not*). Thay vào đó vị từ tình thái *shall* được sử dụng dày đặc trong văn bản, bao chứa cả các nét nghĩa của *must* là quy định nghĩa vụ và trách nhiệm (33 trường hợp). Bên cạnh đó *shall* còn được sử dụng trong các cú để tham gia thể hiện nhiều tầng nghĩa nữa như trong các quy phạm trao quyền, mô tả phạm vi áp dụng của quy phạm luật... Và để hiểu đúng, dịch đúng ngữ nghĩa của *shall* trong từng trường hợp cần phải hiểu rõ không chỉ văn cảnh của quy phạm, mà cần có cả tri thức về bối cảnh của toàn văn bản Hiến pháp Hoa Kỳ cũng như kiến thức về chuyên ngành luật.

3. Về việc chuyển dịch các quy phạm có chứa trợ vị từ tình thái *shall* trong diễn ngôn HPHK sang tiếng Việt

Phần khảo sát trên đã cho thấy, trong toàn văn HPHK trợ vị từ này được sử dụng tới 306 lần. Trong khi đó, nhà làm luật đã không một lần nào sử dụng trợ vị từ “*must*” trong văn bản. “*Shall*” được xuất hiện liên tục và diễn đạt nhiều ý nghĩa. Điều này đã tạo ra nét khác biệt trong ngôn ngữ của văn bản Hiến pháp Hoa Kỳ và đó cũng là một trong những nguyên nhân chính gây khó khăn cho việc dịch thuật văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Theo Mellinkoff một trong chín đặc điểm nổi bật của tiếng Anh pháp lí là việc sử dụng với tần suất cao những từ thông thường với nghĩa không thông thường. Điều này khiến cho người đọc, đặc biệt là những người mà ngôn ngữ chính không phải là tiếng Anh và những người không nghiên cứu chuyên sâu về luật pháp, hết sức lúng túng, bối rối khi phải tìm một nét nghĩa chính xác, phù hợp cho ngôn từ được sử dụng trong điều luật. Các nhà nghiên cứu

như Cao (1997), Rarr (1997) đã chỉ ra những ví dụ cụ thể những từ xuất hiện dày đặc trong các văn bản luật như: *shall, consideration, equity...* Trong đó “*shall*” là từ tiêu biểu nhất và quan trọng nhất. Việc xem xét vị từ tình thái “*shall*” là cần thiết không chỉ vì tần suất sử dụng từ này quá cao trong văn bản Hiến pháp mà còn vì một thực tế là nghĩa chính xác của vị từ này trong bất cứ điểm nào của văn bản luật khó có thể xác định được nếu chỉ dựa vào từ điển, cho dù là từ điển chuyên ngành. Nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ và dịch thuật ngôn ngữ luật đã thảo luận về việc sử dụng từ “*shall*” (Cao - 1997; Meredith - 1979), Trosborg - 1992). Cao đã chỉ ra rằng “*shall*” là một dạng hành thực pháp lí (legal performative), mang nghĩa “*must*” (phải, bắt buộc) theo quy định của pháp luật. Các nhà ngôn ngữ học cũng nhiều lần kêu gọi các nhà làm luật khi soạn thảo những điều khoản không chứa đựng các yếu tố bắt buộc thì nên sử dụng thì hiện tại. Tuy nhiên việc sử dụng không hợp lí vị từ *shall* trong các văn bản luật còn rất phổ biến. Những trường hợp sử dụng dường như không hợp lí khiến cho việc tìm hiểu văn bản rất khó đối với người đọc và cả người dịch. Phần này sẽ xem xét những khó khăn nảy sinh trong quá trình dịch thuật những quy phạm có trợ vị từ “*shall*” trong văn bản Hiến pháp Hoa Kỳ. Trosborg đã đưa ra quan điểm về việc sử dụng và dịch thuật vị từ tình thái *shall*. Trước hết Trosborg hoàn toàn chia sẻ quan điểm cho rằng “*shall*” là trợ vị từ dùng để diễn đạt các mệnh lệnh (*Shall is the word of legal command and should be saved for orders*). Bà cũng cảnh báo việc quá lạm dụng từ này trong các văn bản luật. Bà lưu ý: “(Người đọc) sẽ bị lúng túng giữa quy phạm luật xác định, mô tả thiết chế với quy phạm luật định hướng cho người ta làm gì và không làm gì”. Theo bà khi quy phạm luật không đưa ra chỉ dẫn (Cho phép, cấm đoán) mà chỉ là mô tả thế giới (những quy phạm về chính sách, thiết chế) thì nên được thể hiện bằng thức chỉ định (indicative mood), tức là phát ngôn nên dùng ở thì hiện tại. Do trợ vị từ *shall* được sử dụng hết sức đa dạng trong các loại cú mang các chức năng khác nhau thể hiện quan hệ liên nhân trong văn bản Hiến pháp Hoa Kỳ, việc dịch thuật vị từ này sao cho chính xác gặp nhiều khó khăn.

Chúng tôi đã khảo sát bản dịch văn bản Hiến pháp Hoa Kỳ (theo bản dịch của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam và Nhà xuất bản Thế giới) và phân tích một số cách dịch. Sau đây là một số ví dụ.

+ “*The House of Representatives shall be composed of Members chosen every second Year by the People of the several States, ...*”. (Điều I, 1)

Bản dịch của Đại sứ quán Hoa Kỳ (1): *Hạ viện sẽ gồm có các thành viên cứ hai năm một lần được dân chúng ở các bang bầu ra.*

Bản dịch của Nhà xuất bản Thế giới (2): *Hạ viện sẽ gồm các thành viên được dân chúng ở các bang bầu ra cứ hai năm một lần.*

Thực chất vị từ *shall* trong phát ngôn này được dùng để tuyên bố, giới thiệu quy định của pháp luật, mô tả luật, mô tả cơ cấu của một thiết chế trong cơ quan lập pháp, đó là Hạ viện. Trong cả hai bản dịch 1 và 2, từ *sẽ* được dùng trước các vị từ. Xét trên các tiêu chí tương đương dịch thuật của Koller (1979) thì tương đương giữa các văn bản luật pháp ở ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ dịch phải là kiểu tương đương chuẩn văn bản. Văn bản pháp luật tiếng Anh không có trường hợp mô tả, giới thiệu quy định luật mà lại không dùng vị từ tình thái *shall* cho nên khi chuyển dịch, dịch giả của bản dịch 1 và 2 đã tuân thủ chuẩn văn bản luật tiếng Anh và đã dùng từ *sẽ* trước các vị từ vị ngữ, các tác giả muốn giữ nguyên cách diễn đạt quy ước như trong bản gốc. Tuy nhiên, khi mô tả các thiết chế, các quy định của luật, văn bản luật tiếng Việt không dùng từ *sẽ*. (Xét ví dụ: Quy phạm thuộc Điều 7, Hiến pháp Việt Nam 1992: “*Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.*”...Trong toàn bộ văn bản Hiến pháp Việt Nam không có một quy phạm nào có từ *sẽ* trong cấu trúc).

Như vậy bản dịch 1 và 2 đã tạo ra các bản dịch không tương đương về chức năng của các đơn vị ngôn ngữ, và kết quả là không tương đương chuẩn văn bản, không tương đương về ý nghĩa cần tái tạo xét từ góc độ văn bản pháp luật. Trên cơ sở những phân tích này, chúng tôi đề xuất cách dịch như sau:

Bản dịch đề xuất (3): *Hạ viện bao gồm các Thành viên được nhân dân ở các Bang bầu ra hai năm một lần;*

Trong bản dịch số 3 không có từ *sẽ* trước vị từ chính, nội dung của cú là mô tả cơ cấu một thiết chế theo quy định của Hiến pháp, tương đương với cách diễn đạt trong Hiến pháp Việt Nam. (Ví dụ: *Điều 1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ...bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời.*”)

Bản dịch số 3 bám sát ý nghĩa của bản gốc, nhằm cố gắng giúp người đọc hiểu đúng nội dung tinh thần nguyên bản. Như vậy, mục đích thông báo của bản dịch văn bản luật được giữ nguyên.

+ “... the Electors in each State shall have the Qualifications requisite for Electors of the most numerous Branch of the State Legislature.” (Điều I, 1)

Bản dịch của Nhà xuất bản Thế giới (2): “Cử tri ở mỗi bang phải có phẩm chất cần thiết như phẩm chất của cử tri ở bang có cơ quan lập pháp đồng đẳng nhất”.

Bản dịch của Đại sứ quán Hoa Kỳ (1): Đại cử tri ở mỗi bang phải có phẩm chất cần thiết như là phẩm chất của Đại cử tri ở bang có cơ quan lập pháp đồng đẳng nhất”.

Bản dịch đề xuất (3): Đại Cử tri ở mỗi bang phải đủ tiêu chuẩn như Đại Cử tri ở nhánh đồng nhất thuộc cơ quan lập pháp của Bang.

Trợ vị từ tình thái “*shall*” trong trường hợp này mang nét nghĩa của trợ vị từ tình thái “*must*”, thuộc nhóm chức năng 1 trong đó cú có chứa “*shall*” được dùng với nghĩa “*must*” áp đặt nghĩa vụ hoặc đòi hỏi/yêu cầu của luật pháp đối với một đối tượng cụ thể (specific person/entity), một pháp nhân cụ thể. Nét nghĩa này tương đương với nghĩa của vị từ tính thái “*phải*” trong văn bản pháp luật tiếng Việt. Vì vậy trong cả ba bản dịch đều có sử dụng vị từ “*phải*” với nghĩa bắt buộc rõ ràng. Để biểu hiện nghĩa vụ, yêu cầu bắt buộc của luật pháp trong văn bản Hiến pháp Hoa Kỳ dùng trợ vị từ *shall*, trong văn bản Hiến pháp Việt Nam dùng vị từ *phải*, như vậy trong cả hai ngôn ngữ đều có cách diễn đạt tường minh và điều này đã tạo thuận lợi cho các dịch giả có được các dịch phẩm tương đương chuẩn văn bản theo quan điểm của Koller, khi xem xét sự tương đương giữa các văn bản luật pháp ở ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ dịch. Từ sự tương đương về chức năng của đơn vị ngôn ngữ (*shall* ~ *phải*) mang lại sự tương đương chuẩn văn bản và kết quả là tương đương về ý nghĩa cần tái tạo xét từ góc độ văn bản pháp luật. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong dịch thuật văn bản luật.

Thorton (1996) và các nhà ngôn ngữ học đã khuyến cáo các chuyên gia lập pháp nên tránh việc sử dụng trợ vị từ “*shall*” một cách không cần thiết; và thay vào đó các nhà nghiên cứu gợi ý sử dụng trợ vị từ “*must*” trong các cú áp đặt nghĩa vụ hay “*will*” hoặc thời hiện tại đối với các cú phi nghĩa vụ. Khi không phải đối mặt với những trường hợp dùng “*shall*” một cách không cần thiết, các dịch giả sẽ có thể tập trung nghiên cứu, xem xét vấn đề các tầng nghĩa của *shall* ở mức sâu hơn, tinh tế hơn, chính xác và hiệu quả hơn cả từ góc độ ngôn ngữ pháp lí và khái niệm pháp lí. Khi còn nghi ngờ, băn khoăn về việc xác định nghĩa của từ “*shall*” cách tốt nhất là dịch giả tham vấn, trao đổi với chuyên gia soạn thảo văn bản luật đó, hoặc với chuyên gia chuyên ngành luật liên quan. Một gợi ý khác là dịch giả có thể tham chiếu tới các điều khoản, quy phạm khác của văn bản.

Có thể nói điển ngôn Hiến pháp Hoa Kỳ là một bản cương lĩnh chính trị có vai trò to lớn đối với lịch sử phát triển của Hoa Kỳ, mang dấu ấn của các nhà lập hiến xuất chúng với những nhận thức, chính kiến về xã hội Hoa Kỳ, về thế giới thời kì đó và xu thế phát triển của một đất nước rộng lớn như Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Cách sử dụng ngôn ngữ trong văn bản góp phần quan trọng tạo nên một bản Hiến pháp còn nguyên giá trị sau hơn 200 năm. Việc tìm hiểu ngôn ngữ văn bản này là cần thiết và hữu ích cho công tác dịch thuật và học tập ngôn ngữ pháp luật. Trên đây là một vài nhận xét ban đầu về một hiện tượng ngôn ngữ trong văn bản Hiến pháp Hoa Kỳ, về những phương tiện ngôn ngữ như câu ngôn hành, vị từ ngôn hành, trợ vị từ tình thái *may*... xin được đề cập trong một dịp khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cao, D. (1997), *Consideration in translating English/Chinese contracts*” Meta, 42:4 (1997) pp. 661-669.
- [2]. Embassy of the United States of America, *The Declaration of Independence; The Constitution of The United States of America*, Hanoi, Viet Nam.
- [3]. Koller W. (1979), *Equivalence in Translation Theory*. Heidelberg: Quelle und Meyer.
- [4]. Mellinkoff D (1963), *The Language of the Law*. Boston: Little Brown Co, 1963.
- [5]. Nguyễn Cảnh Bình (2003), *Hiến pháp Mỹ được làm ra như thế nào?* Dịch và giới thiệu, H, Nxb. Thế giới.
- [6]. Nguyễn Hồng Cồn (2006), Các phương pháp và thủ pháp dịch thuật - Trên cứ liệu dịch thuật Anh -Việt, Trong “*Những vấn đề ngôn ngữ học*”, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7]. Thornton, Garth C. (1996), *Legislative Drafting* (4th ed.), London: Butterworths.
- [8]. Trosborg Anna (1992), “*Acts’ in contracts : Some guidelines for translation*” in *Mary Snellhornby et all. (eds.): Translation studies: An Interdiscipline*. Amsterdam: John Benjamins, pp. 309-318.

Tóm tắt

Về trợ vị từ tình thái *shall* trong diễn ngôn Hiến pháp Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Bài viết nghiên cứu cách sử dụng trợ vị từ tình thái *shall* trong diễn ngôn Hiến pháp Hoa Kỳ, trên cơ sở đó tác giả nêu ra một số vấn đề liên quan tới việc dịch thuật các quy phạm có chứa trợ vị từ này sang tiếng Việt. Phân tích cho thấy trái ngược với nhận thức thông thường, trong một văn bản quy định quyền và nghĩa vụ của công dân và các thiết chế, để quy định các nghĩa vụ, trách nhiệm, các nhà lập hiến Hoa Kỳ đã không sử dụng trợ vị từ *must*, một trợ vị từ mà dường như đương nhiên đã thể hiện nghĩa bắt buộc, nghĩa vụ hoặc cấm đoán (*must not*). Thay vào đó *shall* được sử dụng dày đặc trong văn bản, bao chứa cả các nét nghĩa của *must* và nhiều tầng nghĩa khác. Điều này gây không ít khó khăn cho việc tìm hiểu và dịch thuật văn bản.

Abstract

The use of *shall* in the Constitution of The United States of America

The article studies the use of *shall* as a modal auxiliary verb in the Constitution of The United States of America. Then the author points out problems arising in translation into Vietnamese language provisions using *shall*. The analysis shows that, in contrast to the common understanding, in a discourse providing rights and obligations of citizens and institutions as such, in order to impose the obligation and liability, the Constitution makers have not used *must*, which is considered certainly to denote obligation, compulsion or forbidden behavior (*must not*). Instead, *shall* is used repeatedly in the discourse encompassing the meaning of *must* and other meanings. This fact creates difficulties in studying and translating the text.